

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HSST
Ngày 10-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Vần và bà Nguyễn Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2018/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐ-HSST ngày 26 tháng 9 năm 2018, đối với bị cáo:

Hoàng Văn N, sinh năm 1989 tại tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Minh T1 và bà Hà Thị T2; có vợ là Lâm Thị M và có 02 con; nhân thân: ngày 09/5/2010 thực hiện hành vi “*Cố ý gây thương tích*”, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 36 (*ba mươi sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (*năm mươi bốn*) tháng 26 (*hai mươi sáu*) ngày kể từ ngày tuyên án tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2012/HSST ngày 13/4/2012; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/5/2018 đến ngày 07/5/2018 chuyển tạm giam – Có mặt.

- Người bị hại: Anh Lương Đình C; địa chỉ: ấp 03, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước – Vắng mặt.

- Người làm chứng:

Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp 03, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước – Vắng mặt.

Anh Trần Văn B, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn 01, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước – Vắng mặt.

Anh Trần Văn K, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/02/2012, anh Lương Đình C và anh Phạm Văn Đ cùng góp tiền mua chung 05 ha đất rẫy tại tiểu khu 1529 thuộc địa giới hành chính xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông của ông Lý Văn N với số tiền 100.000.000 đồng. Vì đất không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên chỉ viết giấy mua bán tay. Biết được việc này nên Trần Văn B, Lê Văn S bàn bạc với Hoàng Văn N, Trần Văn K, Hoàng Văn T3 và một số đối tượng khác (*chưa rõ nhân thân lai lịch*) đến rẫy của anh C, anh Đ và nhận là đất của mình, đồng thời rủ nhau nhiều lần cầm theo mã tấu, gây lò ô đi vào rẫy của anh C đập phá đồ đạc, đốt chòi, đòi đánh anh C và không cho canh tác trên đất để buộc anh C phải đưa tiền.

Ngày 29/02/2012, khi anh C đang trồng mỳ cùng với 3 người làm công là anh Điều G, Điều S và Điều T4 trên diện tích đất rẫy này thì S, T3, N và một số đối tượng khác (*chưa rõ nhân thân lai lịch*) cầm dao, mã tấu, gây lò ô vào đòi đánh anh C, yêu cầu anh C không được làm trên đất. Các đối tượng đập phá đồ đạc và dùng 05 lít xăng mà anh C mua về để cắt cỏ đổ ra rồi đốt căn chòi của anh C. Sau khi đốt chòi, các đối tượng yêu cầu anh C ra gặp B tại ngã 3 CC, xã Đ để nói chuyện nhưng anh C không ra mà tiếp tục canh tác trên đất.

Đến khoảng cuối tháng 3/2012, anh C cùng với anh Đ, anh M1 đang trồng mỳ trên rẫy thì bị S, T3, N, M2 và một số đối tượng khác (*chưa rõ nhân thân lai lịch*) cầm theo dao, mã tấu và gây vào căn chòi còn lại của anh C đập phá đồ đạc, chặt 04 cột chòi, S và M2 kẻ 02 dao vào cổ anh C, không cho anh C làm rẫy. Sau đó M2 bỏ dao ra rồi đâm vào mặt, ngực anh C và cầm điều cày đánh trúng vùng thái dương bên trái làm anh C bị xây xước da chảy máu, cả bọn vứt đồ đạc trong chòi của anh C ra ngoài và đe dọa không cho anh C tiếp tục làm rẫy mà phải ra gặp B. Sau đó, anh C gọi điện cho B thì B yêu cầu anh C ra gặp B và đồng bọn. Ngày hôm sau, anh C và anh Đ đi đến nhà B, tại nhà B có B và khoảng 20 đối tượng (*chưa rõ nhân thân lai lịch*) đang tụ tập, anh C hỏi muốn giải quyết như thế nào, B nói đồng bọn chưa tụ tập đủ chưa quyết định được nên anh C và anh Đ đi về. Đến chiều ngày 02/4/2012, do chòi rẫy lớn đã bị đốt nên anh C cùng gia đình chuyển đến ở tại chòi rẫy của chị Trần Thị L1 ngay sát rẫy của anh C thì có khoảng 10 đối tượng kéo đến và đốt căn chòi còn lại của anh C. Anh C gọi điện cho B thì B nói đàn em của B đã đốt chòi và yêu cầu anh C phải ra ngay nhà B để nói chuyện.

Sáng ngày 03/4/2012, vợ chồng anh C, anh Đ, chị L1 và ông Lý Văn N đi xe vào nhà ông Phan Văn Q là bác họ của B để nhờ ông Q đi cùng sang nhà B, ông Q đồng ý. Tất cả cùng đi đến nhà của B, tại nhà B lúc này có B, S, T3, N, K và nhiều đối tượng khác (*chưa rõ nhân thân lai lịch*). T3 và N yêu cầu anh C đưa số tiền 100.000.000 đồng nhưng anh C không đồng ý nên nhóm của N bàn bạc và quyết định anh C phải đưa cho nhóm của N 60.000.000 đồng, bớt 5.000.000 đồng do nhóm của N đã đốt 02 căn chòi của anh C, anh C còn phải

đưa cho nhóm của N 55.000.000 đồng. Anh C đưa trước 20.000.000 đồng và hẹn 5 ngày sau đưa đủ. S là người nhận tiền và đếm tiền, K là người viết giấy sang nhượng đất rồi đưa cho đồng bọn cùng ký tên vào giấy. Sau khi anh C và mọi người đi về, S đưa cho K 1.000.000 đồng, T3 1.000.000 đồng, còn lại 18.000.000 đồng S sử dụng cá nhân. Ngày 29/4/2012, vợ chồng anh C cùng anh Đ tới nhà B thì gặp T3, K, N, S, M2 và khoảng 10 đối tượng khác (*chưa rõ nhân thân lai lịch*). Anh C đưa 35.000.000 đồng cho S, K viết giấy với nội dung sang nhượng đất cho anh C rồi đưa cho đồng bọn cùng ký tên vào giấy. Sau khi anh C đi về, S đưa cho B 3.000.000 đồng, K 3.000.000 đồng, T 2.500.000 đồng, số tiền 26.500.000 đồng còn lại S sử dụng cá nhân.

Bản cáo trạng số: 42/CT-VKS-P3 ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Hoàng Văn N về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn N thừa nhận lời khai của anh Hoàng Văn T3 về hành vi của bị cáo đến đe dọa anh C cùng với nhiều người, thừa nhận nhận tiền của anh C và ký giấy sang nhượng đất tại nhà B vào ngày 03/4/2012 nhưng không thừa nhận nhận tiền của anh C và ký giấy sang nhượng đất tại nhà B vào ngày 29/4/2012. Bị cáo thừa nhận việc bị truy tố, xét xử bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; áp dụng Điều 60, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp với hình phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2012/HSST ngày 13/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án từ 6 (sáu) năm đến 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù.

Bị cáo không bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Trong quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Lời

khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của Trần Văn B (BL 87, 88, 89), Hoàng Văn T3 (BL 81, 82, 83, 84, 100, 101, 102, 103), Trần Văn K (BL 90, 91, 92, 93, 95, 97), Lê Văn S (BL 105) là những đối tượng cùng tham gia cưỡng đoạt tài sản với bị cáo trong vụ việc trên đã bị đưa ra xét xử; lời khai của người bị hại anh Lương Đình C (BL 59, 61, 62, 63, 66, 67), lời khai của chị Trần Thị L2 – vợ anh C (BL 57), lời khai của anh Phạm Văn Đ (BL 69, 70) cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

...

d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

...”

[3]. Về các chứng cứ mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra để buộc tội đối với bị cáo là phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và diễn biến khách quan của vụ án, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng, không oan.

[4]. Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: bị cáo Hoàng Văn N cùng các đối tượng khác đã nhiều lần ngang nhiên uy hiếp, đe dọa, đánh đập, đốt chòi hủy hoại tài sản của anh Lương Đình C để buộc anh C phải đưa số tiền 55.000.000 đồng thì mới được thâm canh sản xuất trên đất đã mua của ông Lý Văn N. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp uy hiếp tinh thần và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh C được pháp luật bảo hộ. Trong những năm vừa qua, trên địa bàn cả nước nói chung và tỉnh Đắk Nông nói riêng, một bộ phận không nhỏ thanh niên lười biếng học tập, lao động, sẵn sàng dùng thủ đoạn bảo kê, uy hiếp, đánh đập, buộc người khác phải giao nộp tài sản một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến xã hội nói chung và nền trật tự trị an tại địa phương nói riêng. Về nhân thân: ngày 09/5/2010 bị cáo đã thực hiện hành vi “*Cố ý gây thương tích*”, đang giai đoạn truy tố, xét xử lại tiếp tục thực hiện hành vi “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã, gây cản trở cho hoạt động điều tra. Hành vi của bị cáo phải bị trừng trị thì mới đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử

áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra bị cáo cung cấp một số giấy tờ của ông Hoàng Minh T5 (tên gọi khác: Hoàng Văn T6) là cha đẻ của bị cáo, tuy nhiên ông T5 không phải là một trong các đối tượng người có công giúp đỡ cách mạng quy định tại Điều 32 của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2005, do đó không có căn cứ để Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách để tổng hợp hình phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2012/HSST ngày 13/4/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 6 (sáu) năm đến 6 (sáu) năm 6 (sáu) tháng tù, Hội đồng xét xử xét thấy: mục đích chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã hoàn thành vào ngày 03/4/2012; đến ngày 13/4/2012 Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng mới xét xử và kết án 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, như vậy bị cáo phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” không phải trong thời gian thử thách. Do đó bị cáo không phải chịu tổng hợp hình phạt theo khoản 5 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về vấn đề này là không đúng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5]. Đối với hành vi của đối tượng Hoàng Văn T3 đã bị xử lý tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 84/2013/HSST ngày 05/11/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông; hành vi của các đối tượng Trần Văn B, Trần Văn K đã bị xử lý tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 130/2014/HSPT ngày 20/02/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng; hành vi của đối tượng Lê Văn S đã bị xử lý tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 423/2014/HSPT ngày 11/12/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng nên không đề cập xử lý.

[6]. Về bồi thường thiệt hại: đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 84/2013/HSST ngày 05/11/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, người bị hại anh Lương Đình C không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập xử lý.

[7]. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn N phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Hoàng Văn N 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 04/5/2018.

[2]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Hoàng Văn N phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo: bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Đắk Nông;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Nguyễn Tài Sử